

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công năm 2022  
Kỳ báo cáo: 01 tháng và ước tháng 02 năm 2022**

Thực hiện nội dung Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công tháng 01 và ước thực hiện tháng 02 năm 2022 như sau:

**1. Kế hoạch vốn giao đầu năm 2022**

- Tổng kế hoạch vốn Trung ương giao đầu năm 3.931.191 triệu đồng, địa phương giao 6.545.861 triệu đồng, chênh lệch tăng so với kế hoạch vốn Trung ương giao đầu năm là 2.614.670 triệu đồng, do địa phương giao tăng từ nguồn XDCB vốn tập trung 114.670 triệu đồng, từ nguồn thu sắp xếp lại xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước 200.000 triệu đồng, từ nguồn thu tiền sử dụng đất 2.300.000 triệu đồng.

- Đến ngày 31/01/2022, đã giải ngân 373.393 triệu đồng, đạt 9,5% so với kế hoạch Trung ương giao và đạt 5,7% so với kế hoạch vốn HĐND giao.

- Ước giải ngân đến ngày 28/02/2022 là 655.157 triệu đồng, đạt 16,7% so với kế hoạch Trung ương giao và đạt 10% so với kế hoạch vốn HĐND giao.

**2. Kế hoạch vốn ứng trước: Không có phát sinh.**

*(Chi tiết Biểu số 01a/TTKHN kèm theo)*

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

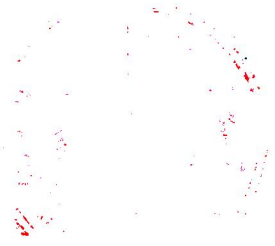
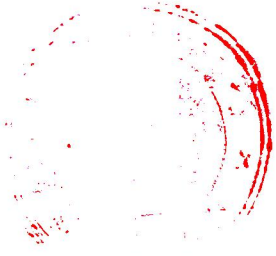
**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Vụ Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2022 - THÁNG 01 VÀ ƯỚC THÁNG 02 NĂM**

(Kèm theo Báo cáo số

**33** HẠND/BCĐ-BND

Ngày **17** /02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch										Ước lự kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 02/2022		
		Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)		Vốn kế hoạch năm nay		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Trong đó		Thanh toán vốn kế hoạch năm	Thanh toán vốn kế hoạch năm	
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch Ủy ban Quản lý vốn quốc gia khai	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Trong đó	Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch năm	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
3+4+6	4	5	6	7+8+11	8+9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	
	<b>Tổng số</b>	6.545.861	-	3.931.191	6.545.861	373.393	-	-	373.393	288.735	84.658	655.157	-	655.157
<b>A</b>	<b>QUẢN LÝ</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>	6.545.861	-	3.931.191	6.545.861	373.393	-	-	373.393	288.735	84.658	655.157	-	655.157
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>B.1</b>	<b>Vốn NSNN</b>	6.545.861	-	3.931.191	6.545.861	373.393	-	-	373.393	288.735	84.658	655.157	-	655.157
	Vốn trong nước	6.497.525	-	3.882.855	6.497.525	373.393	-	-	373.393	288.735	84.658	650.323	-	650.323
	Vốn nước ngoài	48.336	-	48.336	48.336	-	-	-	-	-	-	4.834	-	4.834
<b>I</b>	<b>Vốn cần đối ngân sách địa phương</b>	5.078.100	-	2.463.430	5.078.100	348.953	-	-	348.953	281.770	67.183	536.515	-	536.515
<b>1</b>	Kế hoạch vốn giao đầu năm	5.078.100	-	2.463.430	5.078.100	348.953	-	-	348.953	281.770	67.183	536.515	-	536.515
<b>2</b>	Kế hoạch vốn bổ sung trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	1.467.761	-	1.467.761	1.467.761	24.440	-	-	24.440	6.965	17.475	118.642	-	118.642
<b>II.1</b>	<b>Kế hoạch vốn giao đầu năm</b>	1.467.761	-	1.467.761	1.467.761	24.440	-	-	24.440	6.965	17.475	118.642	-	118.642
<b>1</b>	<b>Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực</b>	1.467.761	-	1.467.761	1.467.761	24.440	-	-	24.440	6.965	17.475	118.642	-	118.642
	Vốn trong nước	1.419.425	-	1.419.425	1.419.425	24.440	-	-	24.440	6.965	17.475	113.808	-	113.808
	Vốn nước ngoài (ghi thu, ghi chi)	48.336	-	48.336	48.336	-	-	-	-	-	-	4.834	-	4.834
<b>2</b>	<b>Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2.1</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>2.2</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh XH bền vững</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lấy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 01/2022				Ước lấy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 02/2022					
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Trong đó		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch năm	Trong đó			
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1		3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
2.3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.2	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-